

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 125/2017/HSST
Ngày 21/12/2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thuần**.
2. Ông **Phạm Tuấn Anh**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Quách Kim Lân** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Ông **Trần Đình Phi Long** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 120/2017/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/ Trần Nam G - sinh năm 1988, tại Bình Định.

HKTT: ấp M, xã T, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Trần Văn Đ - sinh năm 1965 và bà Lê Thị Q - sinh năm 1966; Anh chị em ruột: 03 người, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ: Phạm Thị Tường V - sinh năm 1990; Con: 02 người, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; Tiền sự: Không;

Tiền án: 01; Ngày 11/4/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt tù tại trại giam Xuân Lộc ngày 13/10/2014.

Về nhân thân:

- Ngày 31/3/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đã chấp hành xong Bản án trên và đã được xóa án tích.

- Tại bản số 65/2017/HSST ngày 25/5/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt Trần Nam G 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày ngày 26/01/2017 và hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Q, theo bản án số 65/2017/HSST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q (Có mặt).

2/ Trần Huy C - sinh năm 1990 tại Đồng Nai.

HKTT: ấp B, xã V, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Trần Huy M - sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1960; Anh chị em ruột: 05 người, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Vợ: Võ Thị Kim N - sinh năm 1996; Con: 01 người, sinh năm 2017;

Tiền án: 01; Bản án số 153/2013/HSST ngày 29/7/2013 của Tòa án nhân dân quận P, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Trần Huy C 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt tù tại trại giam Xuân Lộc ngày 31/8/2015.

Nhân thân:

- Ngày 01/5/2017, Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đưa vào cơ sở xã hội Nhị Xuân để quản lý cất con, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Ngày 17/7/2017, bị Tòa án nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 404/QĐ-TA về việc “Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc Bồ Lát”. Thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc Bồ Lát là 21 tháng, kể từ ngày 01/5/2017.

Bị cáo bị bắt ngày 23/8/2017 và đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Q cho đến nay (Có mặt).

Người bị hại: Ông **Vũ Văn T** - sinh năm 1967; HKTT: Khu B, ấp T, xã P, huyện Q, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị **Nguyễn Thị M** – sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp N, xã V, huyện Q, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

2/ Chị **Phạm Thị Tường V** – sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện Q, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 18/12/2016, Trần Nam G điều khiển xe mô tô biển số 60B4-538, chở theo Trần Huy C đi vào khu vực rẫy thuộc ấp B, xã V, huyện Q, tỉnh Đồng Nai để trộm cắp tài sản. Khi đi qua chòi rẫy tại ấp B, xã V của ông Vũ Văn T thì các bị cáo phát hiện không có người trông coi nên G dừng xe mô tô ngoài đường, cùng với C đi vào chòi rẫy, cửa chòi rẫy của ông T không khóa mà chỉ khép hờ nên G và C mở cửa đi vào, trong chòi rẫy của ông T không có tài sản để lấy nên G và C đã bàn bạc là tháo lấy 04 cánh cửa gỗ, G đi xuống bếp lấy 01 con dao chặt củi dài khoảng 40cm cùng với C cây tháo 04 cánh cửa gỗ rồi khiêng 04 cánh cửa gỗ để lên xe mô tô dựng ở ngoài đường, C tiếp tục trộm được 01 bóng đèn điện chữ U ở phòng khách và bỏ vào bọc nylon màu đen sau đó đem ra móc vào gác ba ga của xe G. Lúc này C điều khiển xe mô tô biển số 60B4-538.27, còn G ngồi phía sau ôm 04 cánh cửa chạy về hướng Quốc lộ 20, khi đi được khoảng 01 km thì C và G thấy ông Đặng Văn C chạy xe mô tô phía sau theo dõi nên C dừng xe hỏi ông C là “muốn gì” thì ông C bỏ đi. Sau đó, C và G tiếp tục đi đến ấp N, xã V thì gặp nhiều người đi đường, sợ bị phát hiện nên C dừng xe và bỏ lại 04 cánh cửa gỗ và 01

bóng đèn chữ U trước cửa nhà chị Nguyễn Thị M ngụ tại ấp N, xã V, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.

Đến ngày 31/7/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Q ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Nam G, khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Huy C về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tài sản thiệt hại: 02 tấm cửa gỗ (loại gỗ gõ đỏ), kích thước 0,6m x 2,2m; 02 tấm cửa gỗ (loại gỗ bằng lăng), kích thước 0,5m x 2m; 01 bóng đèn điện (loại 4 chấu), dài 20 cm. Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản ngày 10/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Q kết luận: Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 12.095.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 60B4-538.27, số khung RLCS5C6K0GY278415, số máy 5C6K278418.

Tại cáo trạng số 112/CT-VKS ngày 23/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố bị cáo Trần Nam G về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Trần Huy C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Huy C và rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Nam G từ khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự xuống khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự; sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Nam G. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật, mức hình phạt và biện pháp tư pháp đối với các bị cáo cụ thể như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 49, 51, 53 của Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo Trần Nam G từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 02 năm tù tại Bản án số 65/2017/HSST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q. Buộc bị cáo phải chấp hành khoản hình phạt chung của cả 02 Bản án là 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 53 của Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo Trần Huy C từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị Tòa tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 60B4-538.27, số khung RLCS5C6K0GY278415, số máy 5C6K278418.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, tài sản bị cáo chiếm đoạt là 02 tấm cửa gỗ, kích thước 0,6m x 2,2m; 02 tấm cửa gỗ, kích thước 0,5m x 2m và 01 bóng đèn điện, dài 20 cm theo như kết luận của Hội đồng định giá là chính xác. Các bị cáo thống nhất về tội danh, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị áp dụng đối với các bị cáo, các bị cáo đồng ý về việc Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Nam G. Các bị cáo không có ý kiến hay tranh luận gì khác.

Tại phiên tòa người bị hại vắng mặt và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung vụ án: Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 18/12/2016, tại ấp B, xã V, huyện Q, tỉnh Đồng Nai. Trần Nam G và Trần Huy C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Vũ Văn T 02 tấm cửa gỗ, kích thước 0,6m x 2,2m; 02 tấm cửa gỗ, kích thước 0,5m x 2m và 01 bóng đèn điện, dài 20 cm. Tổng trị giá tài sản thiệt hại là 12.095.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 138 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội. Việc đưa ra xét xử và tuyên cho các bị cáo một mức hình phạt tương xứng là việc làm cần thiết.

Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Xét hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

Xét động cơ, mục đích phạm tội vì tham lam, tư lợi, muốn có tiền tiêu xài không phải hao tốn sức lao động, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Trần Nam G và Trần Huy C đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà bị cáo lại tiếp tục phạm tội do đó hành vi của các bị cáo G và C phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo G đang phải chấp hành hình phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án 65/2017/HSST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, nên phải tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt mới tuyên đối với bị cáo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bản án số 65/2017/HSST ngày 25/5/2017 xét xử bị cáo Trần Nam G về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không được xem là tiền án. Bởi vì, thời gian phạm tội trong vụ án này diễn ra trước thời gian phạm tội theo Bản án số 65/2017/HSST ngày 25/5/2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự như gia đình các bị cáo có hoàn cảnh

kinh tế khó khăn, là lao động chính trong gia đình, phải nuôi con còn nhỏ, tài sản thiệt hại đã được thu hồi trao trả cho chủ sở hữu. Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

Xét việc rút một phần quyết định truy tố (từ điểm c khoản 2 Điều 138 xuống khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự) của Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo Trần Nam G là có cơ sở và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị M, do không biết tài sản các bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra Công an huyện Q không xử lý đối với chị M là có cơ sở.

Đối với chị Phạm Thị Tường V cho rằng xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 60B4-538.27, số khung RLCS5C6K0GY278415, số máy 5C6K278418 là do chị bỏ tiền ra mua, nhưng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, bị cáo G dùng vào việc trộm cắp tài sản nên việc bị tịch thu sung quỹ Nhà nước chị cũng đồng ý và không thắc mắc khiếu nại cũng như không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- 02 tấm cửa gỗ (loại gỗ gỗ đỏ), kích thước 0,6m x 2,2m; 02 tấm cửa gỗ (loại gỗ bằng lăng), kích thước 0,5m x 2m. Đã thu hồi và trao trả cho người bị hại, tại phiên tòa vắng mặt người bị hại nhưng không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

- 01 bóng đèn điện (loại 4 chấu), dài 20 cm. Quá trình G và C để lại trước cửa nhà chị Nguyễn Thị M đã bị mất chưa thu hồi được, Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm vật chứng nhưng đến nay chưa có kết quả. Khi nào tìm được sẽ xử lý sau.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 60B4-538.27, số khung RLCS5C6K0GY278415, số máy 5C6K278418. Đây là xe mô tô do Trần Nam G đứng tên sở hữu, bị cáo đã sử dụng chiếc xe mô tô trên làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản nên phải tịch thu để sung quỹ Nhà nước theo quy định.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Trần Nam G** và **Trần Huy C** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”;

2. Về hình phạt:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51; Điều 53 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Trần Nam G 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Tổng hợp với hình phạt **02 (hai) năm tù** tại Bản án số 65/2017/HSST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q. Buộc bị cáo phải chấp hành khoản hình phạt chung cả hai bản án là **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2017.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật hình sự của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Trần Huy C 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 23/08/2017.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 60B4-538.27, số khung RLCS5C6K0GY278415, số máy 5C6K278418 (Vật chứng nêu trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/12/2017)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, chị Phạm Thị Tường V biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Vũ Văn T, chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Chi cục THA dân sự Q;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Trần Văn Tuấn